ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1938a/QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 30 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị 22 điểm di tích quốc gia khu di tích Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1672/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lạng Sơn năm 2025;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 06 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa;

Căn cứ Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; Nghị định số 67/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

Căn cứ Quyết định số 1954/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt;

Căn cứ Quyết định số 1539/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 313/QĐ-VH/VP ngày 28 tháng 4 năm 1962 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa về việc xếp hạng những di tích, danh thắng toàn miền Bắc;

Căn cứ Công văn số 2986/BVHTTDL-DSVH ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc thẩm định Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị 22 điểm di tích quốc gia khu di tích Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Nghị quyết số 51-NQ/TU ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử Chi Lăng giai đoạn 2021-2026, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí lập Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị 22 điểm di tích quốc gia Khu di tích Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt và công bố danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Theo đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 241/TTr-SVHTTDL, ngày 25 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị 22 điểm di tích quốc gia khu di tích Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Phạm vi, quy mô, ranh giới lập quy hoạch

a) Phạm vi ranh giới lập quy hoạch được xác định trên cơ sở Quy hoạch tổng thể Khu di tích lịch sử Chi Lăng đã được UBND tỉnh phê duyệt năm 2012 và hồ sơ di tích cấp quốc gia đặc biệt được phê duyệt tại Quyết định số 1954/QĐ-TTg. Tuy nhiên, quá trình rà soát nhiều điểm di tích đã không còn dấu vết di tích gốc, hoặc đã được cấp cho dân sử dụng trồng trọt, canh tác. Do đó, nhằm đảm bảo tính hiệu quả đầu tư nhưng vẫn đáp ứng được mục tiêu bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị 22 điểm di tích cấp Quốc gia cần nghiên cứu mở rộng ranh giới bao trùm quần thể các điểm di tích trên.

- Ranh giới lập quy hoạch 22 điểm di tích quốc gia: 35,84 ha (sau khi khớp nối các Quy hoạch chung, quy hoạch điều chỉnh cục bộ, theo kết luận của hội đồng thẩm định, ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

b) Phạm vi lập quy hoạch 22 điểm di tích cấp Quốc gia có diện tích 35,84 ha, cụ thể như sau:

- Cụm 08 di tích lịch sử cấp quốc gia tại thị trấn Chi Lăng (nay là xã Chi Lăng): Cầu Quan Âm; Thành Lũy Kai Kinh; Lũng Ngần; Chợ Quận Công; Chùa Nái; Núi Bàn cờ; Núi Tay Ngai; Lân Ba Tài.

- Cụm 08 di tích lịch sử cấp quốc gia tại xã Chi Lăng (nay là xã Chi Lăng): Hòn đá mổ lợn; Lò gạch cổ; Đình làng Trung; Quảng trường Đồng Đĩnh; Làng Đồn; Quán Thanh; Vực ải gốc Lý; Xóm gốc gạo.

- Cụm 05 di tích lịch sử cấp quốc gia tại thị trấn Đồng Mỏ (nay là xã Chi Lăng): Núi Hòn Ngọc; Chùa Hang; Bến Tuần; Thành phủ Tràng Khánh; Làng Lìu.

- Cụm di tích lịch sử cấp quốc gia tại xã Mai Sao (nay là xã Nhân Lý): Đền Hổ Lai.

c) Ranh giới phạm vi nghiên cứu quy hoạch:

Ranh giới phạm vi nghiên cứu quy hoạch cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp xã Nhân Lý (nay là xã Nhân lý, tỉnh Lạng Sơn);

- Phía Nam giáp xã Hòa Lạc và xã Yên Sơn (nay là xã Tân Thành, Xã Cai Kinh, tỉnh Lạng Sơn);

- Phía Đông giáp xã Quan Sơn (nay là xã Quan Sơn, tỉnh Lạng Sơn) và xã Tân Sơn, xã Cấm Sơn (nay là xã Tân Sơn, tỉnh Lạng Sơn);

- Phía Tây giáp xã Thượng Cường, xã Hòa Bình và xã Y Tịch, huyện Chi Lăng (nay là xã Bằng Mạc, xã Vạn Linh, tỉnh Lạng Sơn).

2. Tính chất khu vực lập quy hoạch

- Là Khu di tích lịch sử cấp quốc gia đã được công nhận theo Quyết định số 1954/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt và Quyết định số 313/QĐ-VH/VP ngày 28/4/1962 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Là khu tham quan, học tập, du lịch quốc gia với các sản phẩm chủ yếu là du lịch văn hóa - lịch sử, du lịch tín ngưỡng - tâm linh.

3. Mục tiêu quy hoạch di tích

a) Mục tiêu chung:

Xác định phạm vi và biện pháp bảo quản, tu bổ, phục hồi các yếu tố gốc của di tích trong một khu vực xác định, định hướng tổ chức không gian các hạng mục công trình xây dựng mới, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và tạo lập môi trường cảnh quan thích hợp trong khu vực di tích; giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, uống nước nhớ nguồn cho các thế hệ người Việt Nam; với hai bộ phận cấu thành là cảnh quan sinh thái và các địa điểm lịch sử.

Phát huy giá trị khu di tích Chi Lăng, để khu di tích trở thành điểm du lịch lịch sử - văn hóa hấp dẫn. Kết nối 22 điểm di tích cấp Quốc gia với 24 điểm di tích Quốc gia đặc biệt trong hệ thống 46 điểm di tích để trở thành mạng/chuỗi điểm liên hoàn giúp hình dung rõ bức tranh toàn cảnh về trận địa tại Chi Lăng. Đồng thời kết nối với các di tích, điểm du lịch khác của tỉnh Lạng Sơn, tạo thành chuỗi sản phẩm sáng tạo của loại hình dịch vụ văn hóa, các sản phẩm du lịch hấp dẫn cũng như các mô hình du lịch phù hợp phong phú, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Làm căn cứ pháp lý cho công tác quản lý và triển khai các dự án thành phần về đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bảo quản, tu bổ phục hồi di tích theo quy hoạch được phê duyệt. Xây dựng quy định và giải pháp quản lý, kiểm soát không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan khu vực di tích.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Mục tiêu đến năm 2030

+ Hoàn thành Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị 22 điểm di tích quốc gia Khu di tích Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;

+ Xác định cắm mốc, vị trí ranh giới, đặt tên biển chỉ dẫn và giá trị di tích cho 22 điểm di tích. Hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và khoanh vùng bảo vệ di tích để UBND tỉnh Lạng Sơn xây dựng và ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá trên địa bàn;

+ Tiếp tục nghiên cứu, triển khai các hạng mục công trình thuộc Đề án "Xây dựng và phát triển khu di tích lịch sử Chi Lăng đến năm 2026, tầm nhìn đến năm 2035".

- Tầm nhìn đến năm 2050

+ Bảo quản, tu bổ và phát huy giá trị di tích các điểm: Thành lũy Cai Kinh, Lũng Ngần, Làng Đồn… tạo thành điểm nhấn trong 22 điểm di tích và tạo tuyến du lịch tham quan di tích.

+ Phấn đấu đưa Khu di tích lịch sử Chi Lăng trở thành một trong những khu du lịch lịch sử - văn hoá - tâm linh trọng điểm của tỉnh Lạng Sơn.

4. Đối tượng lập quy hoạch

Quần thể 22 điểm di tích cấp quốc gia thuộc quần thể di tích Chi Lăng. Các điểm di tích thuộc địa giới thị trấn Chi Lăng, xã Chi Lăng, thị trấn Đồng Mỏ và xã Mai Sao, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Không gian cảnh quan, môi trường sinh thái xung quanh di tích; các giá trị di sản văn hóa vật thể, phi vật thể và di sản tư liệu gắn với di tích. Công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

- Các yếu tố đô thị, kinh tế - xã hội, dân cư trong khu vực nghiên cứu; các thể chế chính sách liên quan; hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, tình hình sử dụng đất khu vực xung quanh di tích.

- Mối liên hệ với các di tích, công trình, địa điểm du lịch và di sản văn hóa trong khu vực để kết nối, phát triển du lịch.

5. Nội dung quy hoạch di tích

5.1. Định hướng phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch bền vững

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức về gắn kết di sản văn hóa với phát triển du lịch bền vững ở các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân thành phố. Tăng cường đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn và nhận thức về du lịch của đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động trong ngành du lịch. Bồi dưỡng những kiến thức, kỹ năng về du lịch văn hóa (kỹ năng đón tiếp, hướng dẫn tại chỗ và phục vụ ăn, nghỉ, vận chuyển, kỹ năng trình diễn và giới thiệu tài nguyên, sản phẩm du lịch bản địa, các hoạt động biểu diễn văn hóa - nghệ thuật, kỹ năng bán hàng, kỹ năng giao tiếp và văn hóa ứng xử…) cho cộng đồng dân cư trên địa bàn thành phố. Triển khai các dự án hỗ trợ phát triển cộng đồng; bảo đảm hài hòa lợi ích mang lại từ phát triển du lịch văn hóa cho cả

người dân tham gia ở địa phương.

Liên kết địa điểm của di tích với các di tích, điểm du lịch khác trên địa bàn để hình thành các tuyến du lịch góp phần nâng cao giá trị trải nghiệm cho du khách.

Theo đề án phát triển du lịch huyện Chi Lăng (tên gọi cũ trước khi sáp nhập) đến năm 2026, định hướng đến năm 2030 tháng 04/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Chi Lăng (tên gọi cũ trước khi sáp nhập), định hướng tổ chức không gian phát triển du lịch khu di tích Chi Lăng nằm trong tiểu vùng 2. Không gian: một phần xã Chi Lăng và một phần thị trấn Đồng Mỏ (nay là xã Chi Lăng). Mục tiêu: Đầu tư xây dựng trở thành Công viên lịch sử ngoài trời, thành một không gian giáo dục truyền thống - lịch sử - văn hóa - tâm linh tiêu biểu mang tầm cỡ quốc gia và quốc tế, kết hợp với trải nghiệm văn hóa lịch sử tiêu biểu chống ngoại xâm, du lịch sinh thái, giáo dục truyền thống, tâm linh. Xây dựng trở thành điểm du lịch có tính chất trung tâm, động lực của huyện Chi Lăng (tên gọi cũ trước khi sáp nhập), tỉnh Lạng Sơn kết nối với các khu, điểm du lịch trong tỉnh, vùng và quốc tế.Định hướng các loại hình sản phẩm du lịch chính:

- Du lịch trải nghiệm, học tập lịch sử thông qua hệ thống bảo tàng lịch sử ngoài trời; Bảo tàng Chi Lăng;

- Du lịch tham quan, thư giãn, sinh thái cảnh quan tại công viên lịch sử thông qua các tuyến đi bộ dọc hai bên bờ sông Thương; và tuyến đi bộ dọc Lũy Ải Chi Lăng;

- Du lịch tâm linh tại Đền Quan Trấn Ải, Đền Mặt Quỷ, Đền Chi Lăng;

- Du lịch tổng hợp: Kết hợp với khu Đền Chi Lăng (Hồ Bãi Hào) và các điểm tham quan du lịch núi Mã Yên, di tích đầm lầy Mã Yên, Lê Tổ kiếm thạch - Liễu Thăng thạch, thành cổ Chi Lăng,…

Đẩy mạnh công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa của các di tích lịch sử, các công trình văn hóa; bảo tồn, phát triển làng nghề truyền thống kết hợp du lịch … tạo thành điểm đến du lịch hấp dẫn phục vụ khách du lịch. Đổi mới cải tiến các sản phẩm lưu niệm gắn với các di sản văn hóa, các làng nghề truyền thống của huyện Chi Lăng (nay là các xã *Chi Lăng, xã Quan Sơn, Xã Chiến Thắng, xã Nhân Lý, xã Bằng Mạc, xã Vạn Linh)*. Nâng cấp các điểm đến thuộc di tích, danh thắng phục vụ khách du lịch. Triển khai chi tiết quy hoạch bảo tồn không gian di tích (không gian văn hóa, trong môi trường xã hội và cảnh quan tạo nên giá trị tổng hòa và đặc trưng của di tích). Tăng cường đầu tư nguồn vốn (nguồn vốn của Nhà nước, nguồn vốn xã hội hóa) và nguồn nhân lực cho công tác bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa để bảo đảm giữ gìn bản sắc kiến trúc cổ trong quá trình trùng tu, tôn tạo.

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch, bảo tồn di sản văn hóa, tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành liên quan trong công tác quản lý du lịch văn hóa; kiên quyết giải quyết, xử lý các trường hợp vi phạm quy định của pháp luật. Nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ cho hoạt động du lịch. Có chiến lược, kế hoạch dài hạn để tuyên truyền, quảng bá du

lịch gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa với quy mô lớn hơn, chất lượng, hiệu quả cao hơn.

Tổ chức tốt các lễ hội trên địa bàn xã, gắn với các hoạt động liên kết, quảng bá, thu hút khách du lịch, nhất là các lễ hội quy mô lớn, đón nhiều du khách hằng năm... Chú trọng khai thác lợi thế văn hóa của Chi Lăng, phát triển các trung tâm ẩm thực; tổ chức lễ hội Na định kỳ, góp phần thúc đẩy phát triển điểm đến du lịch của Chi Lăng.

Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp du lịch và cộng đồng dân cư làm du lịch. Khuyến khích doanh nghiệp du lịch đầu tư trực tiếp vào các điểm đến văn hóa hoặc khu vực lân cận để phát triển du lịch văn hóa cũng như các loại hình du lịch khác. Xây dựng quy chế cụ thể khai thác du lịch gắn với bảo vệ tài nguyên và môi trường. Gắn kết phát triển du lịch với nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn xã hội, quốc phòng an ninh.

Đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến du lịch tỉnh Lạng Sơn. Đa dạng hóa các hình thức quảng bá du lịch thông qua các phương tiện truyền thông, tổ chức các sự kiện mang tính văn hóa. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại trong hoạt động quản lý, kinh doanh du lịch, đào tạo nhân lực du lịch, nghiên cứu thị trường, xúc tiến, quảng bá du lịch, cũng như trong hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di tích, như lập ngân hàng dữ liệu di sản văn hóa, số hóa hoạt động quản lý di sản văn hóa phục vụ phát triển du lịch bền vững.

Tăng cường hợp tác quốc tế để học tập kinh nghiệm, phương pháp và kiến thức chuyên sâu trong hoạt động bảo tồn các di sản văn hóa với phát triển du lịch bền vững. Chủ động chuẩn bị tổ chức các sự kiện văn hóa – học tập quốc tế lớn tại Chi Lăng để thu hút khách du lịch quốc tế, qua đó thúc đẩy quảng bá du lịch văn hóa, giáo dục,tâm linh đến với các nước trên thế giới.

- Một trong những hành động cụ thể đề xuất theo quy hoạch là sử dụng xe điện trong việc di chuyển, đưa đón khách du lịch từ bãi xe điện trung tâm bố trí bên cạnh bãi xe chính của khu di tích. Từ bãi xe điện này du khách sẽ được trải nghiệm toàn bộ chu trình tour tuyến tham quan tới đầy đủ các điểm di tích. Với hình thức trải nghiệm này sẽ đảm bảo quản lý vận hành và bảo vệ môi trường bằng việc áp dụng công nghệ sử dụng năng lượng hiệu quả và bền vững.

- Định hướng phát triển du lịch bền vững thể hiện trên sơ đồ di chuyển khách du lịch, khách thăm quan các điểm di tích để thể hiện tính kết nối, mối liên hệ các khu di tích, các công trình, địa điểm du lịch và di sản văn hoá trong khu vực bằng hệ thống xe điện.

5.2. Định hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

Khu vực lập quy hoạch di tích có nhiều điểm di tích với các đặc điểm khác nhau do đó cần sắp xếp, phân loại ra các điểm di tích để lựa chọn và đề xuất từng phương án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích khác nhau. Dựa vào các phân tích, đánh giá hiện trạng, đề xuất phân loại các điểm di tích cụ thể như sau:

a) Các di tích còn yếu tố gốc:

Các di tích còn giữ được các yếu tố gốc gồm có: Cầu Quan Âm, Thành

Lũy Cai Kinh, Đình Làng Trung, Hòn Đá Mổ Lợn, Lò Gạch Cổ. Tổng thể phương án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích như sau:

- Phương án bảo quản: Đối tượng là các điểm di tích: Cầu quan Âm, Hòn đá mổ lợn. Các điểm di tích còn yếu tố di tích gốc đảm bảo các hoạt động nhằm phòng ngừa và hạn chế những tác nhân hủy hoại di tích mà không làm thay đổi những yếu tố nguyên gốc vốn có của di tích. Bổ sung hạn chế các giải pháp bố trí đường dạo cảnh quan, dừng chân phục vụ khách tham quan. Mọi công tác triển khai thực hiện đều phải lập dự án bảo quản có xác nhận của các cơ quản quản lý.

- Phương án tu bổ: Đối tượng đề xuất được tu bổ là Thành lũy Cai Kinh nhằm tu sửa, gia cố, tôn tạo di tích. Một số đoạn thành luỹ đã bị hỏng, vỡ do thời gian lũy đất bị xuống cấp và do người dân trồng cây lâu năm lên chính di tích. Mọi công tác triển khai thực hiện đều phải lập dự án bảo quản có xác nhận của các cơ quản quản lý.

- Phương án phục hồi và phát huy giá trị di tích:

+ Thêm biển báo di tích tại mỗi điểm.

+ Cầu Quan Âm: bảo quản nguyên trạng cầu.

+ Thành lũy Cai Kinh: bảo quản và tu bổ dấu vết thành gốc còn lại, nghiên cứu phục dựng thành khi có đủ cứ liệu lịch sử, xây mới khu vực sân tiếp đón và đường dẫn vào điểm di tích, xây mới biểu tượng di tích.

+ Lò gạch cổ: Bảo quản tu bổ các mảng tường bằng gạch cổ, bảo quản 01 ngôi nhà dân xây bằng gạch cổ gần đó, nghiên cứu phục dựng lại các lò gạch.

+ Đình Làng Trung: nghiên cứu phục dựng lại Đình làng Trung theo các cứ liệu lịch sử.

+ Mọi công tác triển khai thực hiện đều phải lập dự án bảo quản có xác nhận của các cơ quản quản lý.

b) Các di tích cảnh quan thiên nhiên là di tích gốc:

Các di tích còn dấu ấn lịch sử nhưng cảnh quan thiên nhiên đã bị thay đổi là các di tích gốc gồm có: Lũng Ngần, Chùa Nái, Núi Bàn Cờ, Núi Tay Ngai, Lân Ba Tài, Làng Đồn, Quán Thanh, Vực Ải Gốc Lý, Núi Hòn Ngọc, Chùa Hang, Xóm Gốc Gạo, Làng Lìu. Tổng thể phương án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích như sau:

- Phương án bảo quản: Đối tượng là các điểm còn dấu ấn di tích nhưng cảnh quan đã bị biến đổi như : Lũng Ngần, Núi bàn cờ, Núi Tay ngai, Lân ba Tài, Núi hòn ngọc. Các công trình có dấu vết di tích gốc đảm bảo giữ nguyên tình trạng. Bổ sung hạn chế các giải pháp bố trí đường dạo cảnh quan, dừng chân phục vụ khách tham quan. Trong các điểm di tích trên chọn điểm di tích Lũng Ngần đầu tư kết hợp phương án trải nghiệm du lịch. Mọi công tác triển khai thực hiện đều phải lập dự án bảo quản có xác nhận của các cơ quản quản lý.

- Phương án phục hồi và phát huy giá trị di tích:

+ Xây mới khu vực tiếp đón, biểu tượng di tích, khuôn viên, đường dẫn.

+ Tu bổ không gian cảnh quan.

+ Triển khai các công tác khảo cổ học tại các địa điểm để xác định thêm dấu tích về xây dựng công trình từ đó có thể đề xuất phương án phục hồi các công trình.

+ Đối với các khu vực không có dữ liệu về công trình sẽ đề xuất các công trình theo ghi chép, dữ liệu lịch sử để tôn tạo và phát huy không gian cảnh quan.

+ Chùa Nái: bảo quản, tu bổ đền Bà Ba hiện hữu, tôn tạo khuôn viên và nghiên cứu phục dựng lại chùa Nái khi có đủ cứ liệu lịch sử.

+ Chùa Hang: tôn tạo khuôn viên chùa hiện hữu, bảo quản nguyên trạng núi.

+ Làng Đồn, Xóm Gốc Gạo, Làng Lìu: tôn tạo không gian làng hiện hữu, nghiên cứu định hướng hình thức kiến trúc khu vực đồng bộ, truyền thống, tái hiện không gian xưa.

+ Quán Thanh: Xây mới khu vực tiếp đón, biểu tượng di tích, khuôn viên, đường dẫn.

c) Các di tích chỉ còn là địa điểm:

Các di tích chỉ còn là địa điểm gồm có: Chợ Quận Công, Quảng Trường Đồng Đĩnh, Thành Phủ Tràng Khánh, Bến Tuần, Đền Hổ Lai. Tổng thể phương án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích như sau:

- Phương án bảo quản: Do các di tích chỉ còn là địa điểm do đó không cần phương án bảo quản.

- Phương án tu bổ: Do không có các công trình gốc do đó không có phương án tu bổ.

- Phương án phục hồi và phát huy giá trị di tích:

+ Triển khai các công tác khảo cổ học tại các địa điểm để xác định thêm dấu tích về xây dựng công trình từ đó có thể đề xuất phương án phục hồi các công trình.

+ Chợ Quận Công: nghiên cứu phục dựng lại không gian chợ Quận Công khi có đủ cứ liệu lịch sử.

+ Bến Tuần: Xây mới bến phục vụ du lịch đường sông Thương.

+ Đền Hổ Lai: tôn tạo khuôn viên.

+ Đối với các khu vực không có dữ liệu về công trình sẽ đề xuất các công trình theo ghi chép, dữ liệu lịch sử để tôn tạo và phát huy không gian cảnh quan.

5.3. Định hướng tổ chức không gian, độ cao, mật độ xây dựng, hình thức kiến trúc, vật liệu của công trình xây dựng mới; Định hướng cải tạo, xây dựng hạ tầng kĩ thuật trong khu vực quy hoạch di tích

5.3.1. Định hướng quy hoạch không gian bảo tồn, phát huy giá trị di tích:

a) Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất

- Các khu vực chức năng đất bảo tồn, di tích:

+ Các di tích còn yếu tố gốc.

+ Các di tích cảnh quan thiên nhiên là di tích gốc.

+ Các di tích chỉ còn là địa điểm.

- Chức năng ở hiện trạng: không có hộ dân trong khu vực I, II.

- Chức năng đề xuất phát triển:

+ Một số khu vực tiếp giáp khu dân cư hiện hữu đề xuất phát triển theo quy hoạch nông thôn mới kiểu mẫu hoặc các quy hoạch liên quan với định hướng sẽ là các khu ở mới. Các khu vực này sẽ được thiết kế đồng bộ về hạ tầng, cảnh quan, khớp nối với hệ thống chung.

+ Các khu vực có diện tích lớn đề xuất định hướng là khu vực dự trữ phát triển trong tương lai cụ thể là cảnh quan thiên nhiên, không xây dựng công trình kiên cố. Các khu vực này sẽ được thiết kế đồng bộ về hạ tầng, cảnh quan, khớp nối với hệ thống chung.

- Chức năng về hạ tầng kỹ thuật, phụ trợ:

+ Khu vực trạm biến áp, khu kỹ thuật, khu vệ sinh được bố trí khớp nối với quy hoạch chung.

+ Khu xử lý nước thải và thu gom rác tạm thời: được bố trí khớp nối với quy hoạch chung.

b) Định hướng tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan

- Đề xuất bố trí khu vực điểm nhấn là Thành luỹ Cai Kinh, Lũng ngần và làng Đồn để triển khai đầu tư tập trung.

- Các khu vực đề xuất phát triển mới tuân thủ theo quy định về không gian: tầng cao xây dựng không vượt quá 5 tầng, mật độ xây dựng đảm bảo các yêu cầu về không gian sinh thái, bền vững.

- Khu vực dân cư hiện hữu: cải tạo chỉnh trang đường giao thông, bổ sung tiện ích công cộng. Thống nhất vật liệu, kích thước, chiều cao hệ thống cổng, hàng rào tạo sự liền mạch trong khu di tích.

- Hệ thống sông, suối, kênh mương thoát nước đề xuất nạo vét, giải phóng lấn chiếm hành lang bảo vệ. Trồng bổ sung các dải hoa, cây xanh theo mùa để tăng sức hấp dẫn cho khách du lịch trải nghiệm.

- Các khu vực mộ nằm rải rác sẽ được đề xuất khoanh vùng, trồng cây xanh cách ly đảm bảo vệ sinh môi trường, gìn giữ điểm tâm linh đồng thời tạo cảnh quan xanh, đẹp cho không gian chung.

c) Định hướng về mật độ xây dựng, tầng cao công trình, hình thức kiến trúc và vật liệu xây dựng công trình mới

Đề xuất các nguyên tắc chung về mật độ xây dựng, tầng cao công trình, hình thức kiến trúc và vật liệu xây dựng công trình mới cụ thể như sau:

+ Đối với các khu vực di tích quy định cụ thể:

- Khu vực I và khu vực II của di tích: quy định mật độ xây dựng tối đa 5%, chiều cao tối đa là 1 tầng.

- Trong khu vực I tuân thủ nguyên tắc bảo tồn nguyên trạng các công trình

gốc, tu bổ tôn tạo các công trình còn lại, không xây dựng mới.

- Trong khu vực II được phép xây dựng công trình mới đảm bảo hài hoà với các công trình thuộc khu vực I.

+ Đối với khu vực phát triển mới:

- Các khu vực công trình công cộng khống chế mật độ xây dựng tối đa là 40%, cao 3 tầng.

- Các khu vực thương mại dịch vụ khống chế mật độ xây dựng tối đa là 60%, cao 3 tầng.

- Các khu vực sinh thái khống chế mật độ xây dựng tối đa là 30%, cao 1 tầng.

- Các khu vực dự trữ phát triển trong tương lai khống chế mật độ xây dựng tối đa là 5%-60% tuỳ vị trí, cao 1-3 tầng.

+ Về hình thức kiến trúc và vật liệu:

- Đối với các công trình công cộng liên quan đến khu vực di tích định hướng thiết kế kế thừa kiến trúc truyền thống. Các khu vực dân cư trong vùng kiểm soát phát triển hạn chế xây dựng công trình hiện đại, đối chọi với khu vực di tích. Vật liệu sử dụng tại địa phương và có màu sắc phù hợp với khu vực di tích.

- Đối với các công trình phía ngoài có thể thiết kế theo ngôn ngữ kiến trúc mới tuy nhiên vật liệu và màu sắc tuân thủ theo hướng vật liệu địa phương và màu sắc gần gũi, hài hoà với khu vực di tích.

5.3.2. Định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

a) Định hướng quy hoạch giao thông:

- Cao tốc Bắc Nam (đoạn tuyến CK Hữu Nghị - Bắc Giang): Theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đường cao tốc Bắc Giang – Lạng Sơn được quy hoạch 06 làn xe, mặt đường rộng 24m, xây dựng đường gom dọc khu vực dân cư hiện trạng.

- Quốc lộ 1 (QL.1): Tuân thủ theo quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quốc lộ 1 sẽ đạt tiêu chuẩn cấp III, bề rộng 04 làn xe. Trong đó, nâng cấp, cải tạo đoạn qua đô thị đạt tiêu chuẩn đường đô thị, xây dựng đường gom, mặt cắt ngang rộng 37,75m. Đoạn ngoài khu đô thị quy mô tiêu chuẩn cấp III đồng bằng, lộ giới rộng 20,5m, tại khu đô thị Than Muội – Làng Thành bố trí đường gom dọc theo đường sắt Hà Nội-Đồng Đăng.

- Quốc lộ 279 (QL.279): Tuân thủ theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Quốc lộ 279 được quy hoạch cấp III-IV, bề rộng 2-4 làn xe gồm 3 đoạn. Đoạn trong đô thị từ ngã ba giao với đường tỉnh 234 đến cụm công nghiệp phía nam thị trấn Đồng Mỏ (nay là xã Chi Lăng) quy mô 4 làn xe, mặt cắt ngang rộng 20,5m. Đoạn từ ngã ba giao với ĐT.234 đến ngã tư Đại Huề mặt cắt ngang rộng 13,5m. Đoạn ngoài đô thị lộ giới 12-15m, mặt đường rộng từ 9-12m, đường bê tông nhựa, chất lượng tốt.

- Đường tỉnh 234 (ĐT.234): Tuân thủ theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19/03/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021-2030; tầm nhìn đến năm 2050; tiêu chuẩn đường cấp IV, quy mô 2 làn xe. Đoạn trong đô thị nâng cấp cải tạo tiêu chuẩn đường đô thị, mặt cắt ngang 13,5m, đoạn ngoài đô thị tiêu chuẩn đường cấp IV nền đường rộng 7,5m.

- Đường tỉnh 250 (ĐT.250): Tuân thủ theo Quyết định số 236/QĐ-Ttg ngày 19/03/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021-2030; tầm nhìn đến năm 2050; Nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, quy mô 2 làn xe. Đoạn trong đô thị nâng cấp cải tạo tiêu chuẩn đường đô thị, mặt cắt ngang 13,5m, đoạn ngoài đô thị tiêu chuẩn đường cấp IV nền đường rộng 7,5m.

- Tuyến đường sắt Hà Nội – Đồng Đăng chạy trên địa phận tỉnh Lạng Sơn dài 94 km, từ ga Voi Xô đến ga biên giới Đồng Đăng, hướng tuyến cơ bản song song với quốc lộ 1. Tuyến có khổ đường lồng 1.435 và 1.000 mm. Toàn tuyến cơ bản có nền 4,5m, riêng từ đoạn Đồng Mỏ đến Bản Thí dài 24 km nền đường 6,0m. Tuyến đường sắt chạy qua tỉnh có 11 ga hàng hoá, hành khách là ga Vôi Xô, Phố Vị, Bắc Lệ, Sông Hoá, Chi Lăng, Đồng Mỏ, Bắc Thuỷ, Bản Thí, Yên Trạch, Lạng Sơn (Đông Kinh), và ga biên giới Đồng Đăng.

- Theo Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong giai đoạn trước năm 2030 sẽ giữ nguyên tuyến đường sắt Hà Nội – Lạng Sơn dài 167km, khổ lồng 1.000mm và 1.435mm; giai đoạn sau năm 2030 sẽ bổ sung xây mới 156km đường sắt Hà Nội – Đồng Đăng khổ lồng 1.435mm. Nâng cấp, cải tạo ga Đồng Mỏ đáp ứng tiêu chuẩn ga đô thị phục vụ nhu cầu vận chuyển hành khách và hàng hóa.

- Các quy hoạch giao thông Đô thị được duyệt tại các đồ án điều chỉnh QHC thị trấn Chi Lăng, Huyện Chi Lăng (tên gọi trước khi sáp nhập), tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035; đồ án điều chỉnh QHC thị trấn Đồng Mỏ, Huyện Chi Lăng (tên gọi trước khi sáp nhập), tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035.

- Các quy hoạch giao thông nông thôn tại các đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Chi Lăng và xã Sao Mai, huyện Chi Lăng (tên gọi trước khi sáp nhập), tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030;

b) Định hướng quy hoạch cao độ nền:

- Dựa theo số liệu thuỷ văn sông Thương, điều kiện khí hậu và điều tra thực địa khu vực.

+ Đối với khu vực thị trấn Đồng Mỏ (nay là xã Chi Lăng) cốt xây dựng ≥ +52.31m. Đảm bảo không bị ngập lụt với tần suất P=5%.

+ Đối với khu vực thị trấn Chi Lăng (nay là xã Chi Lăng) chia làm 02 khu vực; Khu vực 1: Phía Bắcn tuyến đường cao tốc Bắc Giang – Lạng Sơn cao độ san nền trung bình từ 29,0m – 40,0m; Khu vực 2: Phía Nam tuyến đường cao tốc Bắc Giang – Lạng Sơn cao độ san nền trung bình từ 35,0m – 90,0m;

+ Đối với khu vực các xã, hiện trạng xây dựng đang còn thưa thớt lựa

chọn phương pháp san nền cục bộ. Tại những khu vực có cao độ nền thấp dọc 2 bên sông Thương và khu vực đồng ruộng, khi xây dựng cần tôn nền đến cao độ thiết kế ≥ +52.31m. Đối với khu vực đã xây dựng với mật độ cao giữ nguyên hiện trạng giữ nguyên cao độ hiện trạng.

c) Định hướng quy hoạch thoát nước mặt:

- Đối với Thị trấn Đồng Mỏ (nay là xã Chi Lăng): Phân chia khu vực thị trấn thành 2 lưu vực chính: Lưu vực 1: Lưu vực phía đông sông Thương; Lưu vực 2: Lưu vực phía Tây sông Thương. Hướng thoát: Khu vực ven sông Thương thoát trực tiếp ra sông, khu vực xa sông thoát theo địa hình các khe suối sau đó đổ vào sông.

- Đối với Thị trấn Chi Lăng (nay là xã Chi Lăng): Toàn khu vực chia thành 5 lưu vực chính: Lưu vực 1 diện tích khoảng 306,11 ha: Phía giáp Đông thị trấn thuộc khu Lân Bông, Trung Mai và một phần khu Chiến Thắng thoát ra sông Thương bằng hệ thống cửa xả. Lưu vực 2 diện tích khoảng 364,70 ha : Khu công nghiệp Đồng Bành và khu Cây Hồng toàn bộ lưu vực thoát ra sông Thương bằng hệ thống cửa xả. Lưu vực 3 diện tích khoảng 461,22 ha: Khu vực tập trung dân cư hiện hữu thuộc khu Minh Hòa, Pha Lác, Đồng Bành thoát ra sông Thương bằng hệ thống cửa xả. Lưu vực 4 diện tích khoảng 414,46 ha: Khu vực phía Đông và phía Đông Bắc thị trấn thoát ra sông Thương bằng hệ thống cửa xả. Lưu vực 5 diện tích khoảng 515,69 ha: Khu vực phía Đông Nam thị trấn thoát ra sông Hoá và Hồ Cấm Sơn bằng hệ thống cửa xả.

- Đối với khu vực xã Sao Mai (nay là xã Nhân Lý), xã Chi Lăng: Hệ thống thoát nước là hệ thống thoát nước chung giữa nước mưa và nước thải. Mạng lưới thoát nước phân tán theo địa hình tự nhiên của các khu vực, hướng thoát nước chính ra mương tiêu và sông chảy qua khu vực. Xây dựng đồng bộ hệ thống thoát nước cùng với hệ thống đường giao thông, đảm bảo thoát nước tốt, đảm bảo vệ sinh khu vực.

d) Định hướng quy hoạch cấp nước:

- Công trình đầu mối:

+ Thị trấn Đồng Mỏ (nay là xã Chi Lăng): Giai đoạn đầu tiếp tục sử dụng nguồn nước trạm bơm giếng ngầm LK2 trên khu đất của trạm thuốc lá Thăng Long cũ (ĐM2), lưu lượng 480m³/ngày đêm và nguồn nước bơm giếng ngầm LK2 nằm ở khu chợ mới (ĐM1), lưu lượng 720m³/ngày đêm. Giai đoạn dài hạn cải tạo chuyển thành trạm bơm tăng áp. Tiếp tục sử dụng nhà máy nước X75 sử dụng Nguồn nước ngầm lộ thiên hang castơ X75 công suất hiện có 1.500m^3/ngày đêm, tương lai dự kiến cải tạo nâng cấp lên 3.000m^3/ngày đêm. Đầu tư xây dựng công trình thu nước mặt và trạm xử lý nước mặt Sông Thương khu vực phía Đông Bắc thị trấn, công suất dự kiến khoảng 5.000-7.000m^3/ngày đêm tùy thuộc từng giai đoạn phát triển xây dựng các đơn nguyên với công suất phù hợp đáp ứng đủ nguồn cấp cho khu vực thị trấn. Quỹ đất dự kiến bố trí cho nhà máy khoảng 0,5ha.

+ Thị trấn Chi Lăng (nay là xã Chi Lăng): Quy hoạch định hướng 3 trạm

cấp nước phục vụ khu vực dân cư đô thị và khu công nghiệp:

Trạm cấp nước số 1 quy hoạch tại vị trí phía Bắc khu Lân Bông công suất dự kiến: 4.000 m^3/ngày đêm phục vụ cấp nước sinh hoạt. Giai đoạn 1 đến năm 2025: 3.350 m^3/ngày đêm; Giai đoạn 2 đến năm 2035: 4.000 m^3/ngày đêm;

Trạm cấp nước số 2 quy hoạch tại vị trí phía Đông Nam nhà máy xi măng Đồng Bành hiện hữu công suất dự kiến: 6.000 m^3/ngày đêm; Giai đoạn 1 đến năm 2025: 3.350 m^3/ngày đêm. Giai đoạn 2 đến năm 2035: 6.000 m^3/ngày đêm;

Trạm cấp nước số 3 quy hoạch tại vị trí phía Nam thị trấn cạnh hồ Cấm Sơn định hướng cấp nước sinh hoạt dài hạn cho toàn thị trấn (nay là xã Chi Lăng), công suất dự kiến năm 2035: 2.900 m^3/ngày đêm.

+ Xã Sao Mai (nay là xã Nhân Lý): Đấu nối cấp nước từ công trình đầu mối thị trấn Đồng Mỏ (nay là xã Chi Lăng).

+ Xã Chi Lăng (nay là xã Chi Lăng): Đấu nối cấp nước từ công trình đầu mối thị trấn Chi Lăng (nay là xã Chi Lăng).

- Mạng lưới đường ống:

+ Các tuyến ống hiện có tùy thuộc vào năng lực đáp ứng và tình trạng tiếp tục sử dụng đối với các tuyến ống ít thất thoát, đối với các tuyến đã cũ và xuống cấp tiến hành cải tạo thay thế để đảm bảo không bị rò rỉ và thất thoát nước. Thiết kế mạng lưới đường ống dạng vòng và cụt kết hợp phủ kín mạng giao thông toàn thị trấn, sử dụng ống kích thước Φ110- Φ350 đối với tuyến ống chính; Φ25- Φ90 đối với tuyến ống phân phối.

- Chữa cháy:

+ Tuân thủ luật Phòng cháy và Chữa cháy 27/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy Chữa cháy số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 06:2021/BXD về An toàn cháy cho nhà và công trình.

+ Trong từng các công trình cao tầng phải có thiết bị báo cháy và chữa cháy tuân theo quy phạm phòng cháy chữa cháy của Bộ Công an.

+ Hệ thống đường ống cấp nước chữa cháy kết hợp cấp nước sinh hoạt. Chữa cháy áp lực thấp. Trên các tuyến ống ≥ Φ110mm, dọc theo các đường phố phải bố trí các trụ lấy nước chữa cháy, đảm bảo các quy định: Khoảng cách tối đa giữa các trụ cứu hỏa là 150m. Trụ chữa cháy phải được bố trí ở nơi thuận tiện cho việc lấy nước chữa cháy như: ở ngã ba, ngã tư đường phố. Khoảng cách tối thiểu giữa các trụ với tường các ngôi nhà là 5m và với mép đường là 2,5m.

+ Tận dụng ao hồ để cấp nước chữa cháy. Có đường cho xe chữa cháy tới lấy nước. Chiều sâu mặt nước so với mặt đất tại vị trí lấy nước chữa cháy không lớn quá 4m và chiều dày lớp nước ≥ 0,5m.

đ) Định hướng quy hoạch cấp điện và chiếu sáng công cộng:

- Nguồn điện:

+ TBA 220/110kV Đồng Mỏ (250+125) MVA, đến năm 2035 nâng công suất trạm lên 2x250MVA.

+ Trạm 110/35/22KV Đồng Mỏ (E13.1) công suất hiện có 2x25MVA, đến năm 2025 nâng công suất trạm lên (40+25) MVA; đến năm 2030 nâng công suất trạm lên 2x40 MVA.

+ Nguồn điện của thị trấn Chi Lăng (nay là xã Chi Lăng) được cấp từ trạm 110/35/10kV Than Muội, riêng nhà máy XM đã có trạm 110kV đặt trong khu vực nhà máy, trạm này được đấu trực tiếp với tuyến dây 110kV đi qua phía Nam của thị trấn (tuyến dây 110kV nối giữa thị trấn Đồng Mỏ (nay là xã Chi Lăng) và thị trấn Hữu Lũng (nay là xã Hữu Lũng).

- Mạng lưới cấp điện trung thế: Các tuyến hiện trạng nằm trong khu vực sẽ được hạ ngầm nhằm đảm bảo mỹ quan đô thị. Lưới điện 22kV được thiết kế tuân thủ nguyên tắc xây dựng mạng vòng kín vận hành hở. Trong chế độ làm việc bình thường, khả năng tải không vượt quá 70% công suất để đảm bảo dự để đảm bảo độ dự phòng vận hành.

- Mạng lưới hạ áp 0,4KV cấp điện sinh hoạt:

+ Đối với các khu dân cư hiện nay, cơ bản đã ổn định lưới điện và hướng cấp do đó giữ nguyên hướng cấp và các lộ cáp hiện nay. Chỉ thay thế các tuyến cáp trần đi nổi trên cột bằng các tuyến cáp vặn xoắn bọc cách điện đi nổi chung với hệ thống cột điện hiện có trong các khu vực.

+ Đối với các khu công cộng và khu vực dân cư quy hoạch mới: Toàn bộ cáp hạ áp 0,4KV sẽ được thiết kế các tuynel và hào kỹ thuật ngầm dưới vỉa hè cấp đến tủ điện tổng cho các công trình hay nhóm các công trình và khu dân cư.

+ Cấp điện cho các khu vực theo nguyên tắc: Cấp đến tủ điện tổng cho các khu cơ quan, công trình công cộng. Các khu nhà thấp tầng, chỉ cấp đến tủ công tơ tổng cho từ 6 đến 8 hộ, từ đây phân phối tới các hộ tiêu thụ.

- Chiếu sáng đường:

+ Nguồn cấp cho chiếu sáng đèn đường sẽ được lấy từ các trạm biến áp gần nhất cho từng khu vực đảm bảo chiều dài tuyến ≤ 1.500m.

+ Lưới điện chiếu sáng trong các khu ở được bố trí đi cùng cột với lưới điện hạ thế, lưới điện chiếu sáng trong các khu trung tâm dùng cáp ngầm.

+ Đèn đường sử dụng loại đèn halogen công suất bóng từ 150w-250w và được bố trí theo nguyên tắc:

* Đường có phần xe chạy > 10,5m chiếu sáng 2 bên đường.

* Đường có phần xe chạy < 10,5m chiếu sáng 1 bên đường.

* Các cột chiếu sáng đèn đường bố trí theo khoảng cách từ 25m-30m tuỳ theo từng cấp đường.

- Trạm biến thế:

Các trạm biến áp trung thế hiện có, nằm trong ranh giới nghiên cứu thiết kế sẽ vẫn được sử dụng, nhưng sẽ được cải tạo đưa về cấp điện áp chuẩn 22KV, nâng công suất cho phù hợp với phụ tải tính toán.

Cấp điện áp của trạm hạ thế xây dựng mới là 22/0,4KV. Vị trí các trạm hạ

thế được lựa chọn khu vực cây xanh, quảng trường để không ảnh hưởng đến dân cư hiện có trong khu vực và gần đường giao thông để tiện thi công. Trạm hạ thế sử dụng loại một trụ, kiểu kín để tiết kiệm diện tích xây dựng.

- Hành lang an toàn lưới điện:

Đảm bảo hành lang an toàn lưới điện cho các tuyến điện cao thế theo đúng quy định của pháp luật. Dưới hành lang an toàn của lưới điện cao thế không được xây dựng các công trình kiên cố, không trồng các cây có kích thước lớn chỉ trồng các cây bụi nhỏ.

+ Hành lang an toàn của đường dây 110KV có khoảng cách 4m tính từ đường dây ngoài cùng về mỗi phía.

+ Hành lang an toàn của đường dây 220KV có khoảng cách 5m tính từ đường dây ngoài cùng về mỗi phía.

e) Định hướng quy hoạch thoát nước thải:

- Giải pháp thiết kế:

+ Nước thải sinh hoạt đối với các khu vực nằm trong đô thị: Sử dụng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn nhằm tránh cho một lượng nước thải hòa tan nước mưa chảy ra nguồn gây ô nhiễm. Nước thải được đưa về các trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý theo QCVN 14:2008/BTNMT trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Nước thải sau xử lý giá trị C đạt cột B theo QCVN 14/BTNMT. Các khu đô thị đang hình thành trong giai đoạn đầu chưa xây dựng hạ tầng thu gom và xử lý tập trung, trước mắt tiến hành thu gom xử lý cục bộ trong các dự án. Nước thải sau xử lý đạt cột B theo QCVN 14/BTNMT mới được phép xả ra nguồn tiếp nhận. Giai đoạn dài hạn khi trạm xử lý tập trung đã hoàn thiện tiến hành đấu nối đưa nước thải về trạm xử lý tập trung. Nước thải sinh hoạt yêu cầu xử lý cục bộ bằng các bể tự hoại 3 ngăn đúng tiêu chuẩn trước khi thoát ra đường ống thu gom nước thải đưa về trạm xử lý nước thải.

+ Nước thải công nghiệp: Đối với nước thải công nghiệp đều phải được xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn vệ sinh (xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 24-2009) trước khi đưa về nhà máy xử lý nước thải tập trung của các khu công nghiệp. Các nhà máy xử lý nước thải công nghiệp tập trung nước thải sau khi xử lý giá trị C đạt cột B theo QCVN 40 /BTNMT trước khi xả ra môi trường. Các trạm xử lý nước thải đề nghị lắp đặt hệ thống SCADA kiểm soát chất lượng nước thải sau xử lý. Các trạm xử lý nước thải công nghiệp được xây dựng theo dự án công nghiệp riêng.

+ Mạng lưới đường ống: Trên mạng lưới đường phố đặt các tuyến cống thoát nước thải riêng, cống tự chảy dùng cống tròn bằng bê tông, cốt thép, đường kính từ 300mm ÷ 500mm, đặt dưới vỉa hè với độ sâu chôn cống nhỏ nhất là 0,7m, độ dốc tối thiểu là 1/D. Các tuyến này đặt sao cho thu được nước thải của tất cả các đối tượng thải nước 2 bên đường. Sử dụng ống U.PVC hoặc bê thành mỏng đúc sẵn. Phương pháp đấu nối đảm bảo đúng tiêu chuẩn để hạn chế tối thiểu lượng nước thải rò rỉ ra môi trường. Đường ống áp lực: Dùng ống gang đặt dưới vỉa hè dưới lòng đường (nếu vỉa hè chật), độ chôn sâu đáy cống ≤ 0,7m.

- Công trình đầu mối:

+ Thị trấn Đồng Mỏ (nay là xã Chi Lăng): Xây dựng mới trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại khu đất hạ tầng phía Tây Nam TT Đồng Mỏ công suất 4.000 m3/ngđ.

+ Thị trấn Chi Lăng (nay là xã Chi Lăng): Xây dựng mới trạm xử lý nước thải sinh hoạt số 1 phía Tây TT Chi Lăng, công suất 3.600 m3/ngđ; Xây dựng mới trạm xử lý nước thải sinh hoạt số 3 phía Nam TT Chi Lăng, công suất 700 m3/ngđ;

g) Định hướng quản lý chất thải rắn, vệ sinh môi trường:

+ Thị trấn Đồng Mỏ (nay là xã Chi Lăng): Giai đoạn đầu tiếp tục sử dụng khu xử lý tại xã Lý Nhân-Chi Lăng tiến hành cải tạo, nâng cấp lò đốt cũng như công nghệ xử lý sơ bộ bằng chế phẩm trước khi đốt hoặc chôn lấp. Giai đoạn dài hạn quy hoạch mới khu xử lý CTR tại xã Nhân Lý. Bố trí 1 trạm trung chuyển CTR quy mô 500m2 bán kính phục vụ 5-10km. Các trạm trung chuyển yêu cầu bố trí kín có hàng rào cây xanh cách ly. CTR lưu giữ tối đa 48 tiếng.

+ Thị trấn Chi Lăng (nay là xã Chi Lăng): Chất thải rắn được thu gom về nhà máy xử lý rác bằng công nghệ đốt và tận dụng nhiệt làm nhiệt điện (được cụ thể hóa ở giai đoạn sau)

+ Các xã Chi Lăng (nay là xã Chi Lăng), Sao Mai (nay là xã Nhân Lý): Thành lập đội thu gom rác thải của xã. Khuyến khích và hướng dẫn nhân dân phân loại chất thải rắn (CTR) ngay tại nguồn thành 2 loại vô cơ và hữu cơ. Đối với CTR hữu cơ, các hộ gia đình tận dụng một phần cho chăn nuôi gia súc, phần còn lại sẽ ủ, tạo thành phân vi sinh phục vụ nông nghiệp. CTR vô cơ, không còn tái chế được, sẽ chuyển về bãi trung chuyển CTR để vận chuyển lên khu xử lý chất thải rắn của địa phương. Tại từng thôn, sẽ quy hoạch điểm tập trung CTR. Trang bị mỗi thôn 2-3 thùng đựng CTR và từ 2 đến 3 xe đẩy tay cho các thôn để thu gom, vận chuyển CTR đến bãi trung chuyển (giữ nguyên vị trí và diện tích như hiện nay). Chất thải rắn công nghiệp: Các cơ sở sản xuất trong khu sản xuất làng nghề sẽ ký hợp đồng thu gom và xử lý CTR công nghiệp, chất thải nguy hại với các đơn vị chuyên trách của địa phương, chuyển CTR về khu xử lý chất thải của Chi Lăng.

h) Định hướng quy hoạch nghĩa trang, mộ:

- Dân cư khu vực lập quy hoạch sử dụng nghĩa trang chung của xã theo quy hoạch. Khuyến khích sử dụng hỏa táng.

- Nghĩa trang hiện trạng giữ nguyên và trồng cây xanh cách ly.

- Đối với các khu vực mộ của dân cư nằm rải rác trên toàn bộ khu vực sẽ khoanh vùng, trồng cây xanh cách lý xung quanh.

5.4. Dự báo tác động môi trường và đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường trong khu vực quy hoạch

Đồ án Quy hoạch đề ra các giải pháp khắc phục môi trường. Các luận điểm chính sau của Nghiên cứu đã được tiếp thu vào giải pháp:

- Sự xuống cấp các khu vực di tích do xói mòn và hoạt động dân sinh.

- Các hoạt động bảo tồn được đầu tư song chưa được thực hiện đồng bộ dựa trên tầm nhìn toàn thể và lâu dài, do đó ít phát huy tác dụng.

- Môi trường không khi của Khu vực tương đối tốt.

- Môi trường nước bị ô nhiễm và thu hẹp.

- Hầu như không có nguồn phát thải tiếng ồn rung.

- Chất thải rắn chủ yếu từ dân sinh và hoạt động lễ hội, hiện được thu gom và trong tầm kiểm soát của Ban quản lý khu di tích.

- Môi trường đất tương đối tốt, ít nguồn thải nhiễm.

- Hệ sinh thái đơn giản bao gồm các kiểu: đồng ruộng, ao hồ, sông suối, làng xóm.

Điều kiện kinh tế xã hội: là quần cư nông nghiệp sống cộng sinh cùng di tích lâu đời, hoạt động sống của khu dân cư vốn hài hoà với bảo tồn giá trị di sản. Song sự biến động kinh tế thời thị trường đang tạo ra các thay đổi khó lường, có nhiều yếu tố tiêu cực cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị Khu di tích.

Việc thực hiện Quy hoạch chuyển đổi một phần đất nông nghiệp sang đất bảo tồn dưới dạng công viên sinh thái có thể ảnh hưởng đến cuộc sống, việc làm của dân cư nông thôn. Đồng thời, việc thực hiện triển khai các dự án về kiến trúc cũng như hạ tầng trong giai đoạn đầu như: Nâng cấp mở rộng hệ thống giao thông, hạ ngầm các công trình hạ tầng kỹ thuật, di dời các hộ dân nằm trên khu vực di tích tường thành và nạo vét hào nước sẽ gây ô nhiễm không khí, đất, nước, tạo nên tiếng ồn và độ chấn động cho khu vực. Tuy nhiên, tất cả những diễn biến ảnh hưởng môi trường nói trên sẽ được khắc phục và chấm dứt vì việc thực hiện đồ án quy hoạch sẽ thỏa mãn các điều kiện cụ thể.

5.5. Xác định các nhóm dự án thành phần, dự án ưu tiên đầu tư:

a) Nhóm dự án thành phần: *(Phụ lục 3 kèm theo).*

Đề xuất phân chia thành 02 nhóm dự án thành phần:

- Nhóm dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (DA01).

- Nhóm dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật phát huy giá trị di tích (DA02).

b) Dự án ưu tiên đầu tư theo giai đoạn

Ưu tiên đầu tư Bảo quản, tu bổ các di tích gốc.

Ưu tiên đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật: đường giao thông, bãi đỗ xe,… để tạo điều kiện thuận lợi khi tiếp cận các điểm tham quan và kết nối các điểm di tích.

Ưu tiên đầu tư các công trình chức năng chủ chốt: Trung tâm thông tin, dịch vụ và các công trình tạo sức hút, tăng sức hấp dẫn cho khách du lịch: thương mại, dịch vụ...; các công trình tạo điều kiện để khách du lịch lưu trú và nghỉ ngơi: homestay nghỉ dưỡng, khách sạn...

- Giai đoạn 1: từ năm 2026 đến năm 2030.

+ Một số dự án Bảo quản, tu bổ, phục hồi công trình thuộc DA01.

+ Một số dự án công trình phục vụ khu di tích thuộc DA02.

- Giai đoạn 2: từ năm 2030 đến năm 2050.

+ Các dự án còn lại thuộc DA01.

+ Các dự án còn lại thuộc DA02.

c) Nguồn vốn: Ngân sách trung ương; Ngân sách địa phương; Các nguồn vốn hợp pháp khác.

5.6. Giải pháp, cơ chế thực hiện quy hoạch di tích:

a) Quản lý:

Xây dựng đề án "Nâng cao năng lực quản lý" và "Tổ chức hoạt động của khu di tích Chi Lăng".

Giải pháp chuyển đổi số trong công tác bảo tồn di tích, di sản: số hoá các di tích để phục vụ khai thác thông tin, du lịch. Số hoá trong các công tác quản lý, vận hành để nhanh chóng cập nhật.

Quản lý theo Quy hoạch, phân công quản lý.

Cơ chế thực hiện: Với các dự án đối với các khu di tích hiện có: do Ban quản lý khu di tích quản lý.

Với các dự án đối với khu vực xây dựng mới: do các chủ đầu tư thứ cấp quản lý dưới sự giám sát của Ban quản lý khu di tích.

b) Tuyên truyền:

Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm.

Tăng cường công tác xúc tiến quảng bá giá trị di tích, văn hóa khu vực.

c) Phát triển nguồn nhân lực:

Tăng cường, bổ sung thêm nguồn nhân lực.

Tăng cường mở các lớp tập huấn ngắn hạn.

d) Huy động sự tham gia của cộng đồng:

Kết nối của cộng đồng dân cư trong và lân cận di tích.

Xây dựng quy định, định hướng quy mô, mẫu kiến trúc cho các công trình nhà ở của dân kế cận di tích, Nâng cao nhận thức của người dân về giá trị của di tích.

Tạo điều kiện cho cộng đồng dân cư tham gia vào công tác lập kế hoạch quản lý, bảo tồn khu di tích và phát triển du lịch.

e) Huy động vốn:

Lập danh mục các dự án đầu tư thành phần, phân loại và xác định giai đoạn thực hiện, nguồn vốn đầu tư.

Ưu tiên hỗ trợ và bố trí vốn hàng năm từ ngân sách Trung ương.

UBND tỉnh Lạng Sơn phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng phương án huy động các nguồn lực.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

a) Ủy ban nhân dân các xã: Chi Lăng, Nhân Lý:

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức công bố Quy hoạch.

- Tổ chức cắm mốc giới theo quy hoạch được duyệt; lắp đặt biển chỉ dẫn, di dời các hộ dân trong khu vực di tích theo hồ sơ quy hoạch được duyệt phù hợp với lộ trình thu hồi đất để triển khai kế hoạch bảo vệ di tích và phù hợp với thực tiễn địa phương.

- Rà soát các quy hoạch có tính chất kỹ thuật (chuyên ngành) khác do xã quản lý không phù hợp với việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích, lấn chiếm đất bảo vệ di tích (khu vực I và II), đề xuất chỉnh sửa các quy hoạch (nếu vi phạm); xác định các khu vực cần tiến hành giải phóng mặt bằng, giải tỏa lấn chiếm, xâm phạm các khu vực bảo vệ di tích và xây dựng phương án tái định cư trong khu vực di tích (theo quy hoạch di tích), hoặc chuyển ra khu tái định cư của xã (theo quy hoạch xây dựng vùng huyện, hoặc quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện trước sắp xếp lại các đơn vị hành chính); xử lý vi phạm (nếu có) và báo cáo các cấp có thẩm quyền theo quy định; xây dựng lộ trình thu hồi đất để triển khai kế hoạch bảo vệ di tích và để thực hiện các dự án đầu tư thành phần.

b) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính đầy đủ, hợp lệ, chính xác của hồ sơ, số liệu và nội dung thẩm định trình phê duyệt tại Quyết định này, đồng thời có trách nhiệm:

- Chủ trì phối hợp với UBND các xã: Chi Lăng, Nhân Lý tổ chức công bố công khai quy hoạch.

- Thẩm định nội dung chuyên môn các nhóm dự án thành phần thuộc nội dung Quy hoạch di tích đã được phê duyệt.

- Chủ động đề xuất làm chủ đầu tư thực hiện một số dự án thành phần của quy hoạch theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách phù hợp với công tác quản lý chuyên môn về di sản văn hóa, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí ngân sách, huy động vốn từ nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác; tổ chức thẩm định và phê duyệt các dự án thành phần đó theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Giám sát, kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện Quy hoạch; tổng hợp báo các cấp có thẩm quyền về kết quả thực hiện quy hoạch theo từng giai đoạn.

- Phối hợp, hướng dẫn các địa phương kết nối các tuyến du lịch trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn nhằm góp phần phát huy giá trị di tích lịch sử với phát triển du lịch một cách hiệu quả nhất.

- Quản lý hoạt động bảo tồn và xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

- Cập nhật ranh giới diện tích Quy hoạch di tích vào hồ sơ khoa học xếp hạng di tích; đề xuất điều chỉnh, bổ sung xếp hạng di tích, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

c) Sở Tài chính: căn cứ chức năng, nhiệm vụ, xem xét và tham mưu cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách để thực hiện các nhóm dự án thành phần liên quan đến di tích thuộc Quy hoạch được phê duyệt, bảo đảm theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước; kiểm tra việc thực hiện theo thẩm quyền.

d) Sở Nông nghiệp và Môi Trường: kiểm tra việc thực hiện quản lý và sử dụng đất theo quy hoạch, đặc biệt là đất rừng tự nhiên, hồ chứa nước, bảo đảm đúng quy định của pháp luật về đất đai; hướng dẫn UBND các xã: Chi Lăng, Nhân Lý cập nhật ranh giới diện tích quy hoạch vào kế hoạch sử dụng đất.

e) Các sở, ngành, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn và giải quyết những công việc thuộc thẩm quyền; phối hợp, theo dõi, giám sát, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch di tích.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch UBND các xã: Chi Lăng, Nhân Lý và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng uỷ UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban KTNS, Ban VHXH, HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- CPVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KGVX(ĐDĐ).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Dương Xuân Huyên

Phụ lục 1: Bảng thống kê diện tích khu vực bảo vệ I và II

(Kèm theo Quyết định số 1938a/QĐ-UBND ngày 30/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

STT	Di tích	Địa điểm	Diện tích dự kiến khu vực 2 (M2)	Diện tích dự kiến khu vực 1 (M2)	Dự kiến Diện tích tổng khu DT
I	**Thị trấn Chi Lăng, nay là xã Chi Lăng**		**133.031,50**	**178.751,1**	**311.782,6**
1	Cầu Quan Âm	Khu Lân Bông	368,4	154,0	522,4
2	Thành Lũy Cai Kinh	Khu Cây Hồng	8.225,1	759,2	8.984,3
3	Lũng Ngần	Khu Pha Lác	64.036,4	15.374,5	79.410,9
4	Chợ Quận Công	Khu Đồng Bành	2.281,3	117,1	2.398,4
5	Chùa Nái	Khu Làng Vặc	10.871,0	1.495,5	12.366,5
6	Núi Bàn Cờ	Khu Phố Sặt	10.991,1	9.530,0	20.521,1
7	Núi Tay Ngai	Khu Minh Hòa	35.016,7	151.037,5	186.054,2
8	Lân Ba Tài		1.241,5	283,3	1524,8
II	**Xã Chi Lăng nay là xã Chi Lăng**		**15.406,0**	**2.675,4**	**18.081,4**
9	Hòn đá mổ lợn	Thôn Làng Cằng	6.534,2	297,7	6.831,9
10	Lò Gạch Cổ	Thôn Làng Ngũa	520,2	213,5	733,7
11	Đình Làng Trung	Thôn Ga	2.813,6	1.145,8	3.959,4
12	Quảng Trường Đồng Đĩnh	Thôn Đồng Đĩnh	1.732,1	448,5	2180,6
13	Làng Đồn	Thôn Làng Đồn	485,9	179,1	665,0
14	Quán Thanh	Thôn Quán Thanh	1.021,8	211,3	1.233,1
15	Vực Ải Gốc Lý	Thôn Quán Thanh	1.645,8	78,3	1.724,1
16	Xóm Gốc Gạo	Thôn Bãi Hào	652,4	101,2	753,6
III	**Thị Trấn Đồng Mỏ, nay là xã Chi Lăng**		**12.285,2**	**3.399,9**	**15.825,6**
17	Núi hòn ngọc (Núi Tỷ Muội hay Tuần Muội)	Khu Than Muội	3.151,9	2.890,7	6.042,6
18	Chùa Hang	Khu Hợp Tiến	376,6	140,5	517,1

19	Bến Tuần	Khu Than Muội	5.481,9	140.5	5.622,4
20	Thành Phủ Tràng Khánh	Khu Than Muội	179,4	59,5	238,9
21	Làng Lìu	Khu Đông Mồ	3.095,4	309,2	3.404,6
IV	**Xã Mai Sao, nay là xã Nhân Lý**		**12.213,8**	**505,0**	**12.718,8**
22	Đền Hổ Lai (Miếu Hồ Lai)	Thôn Lạng Nắc	12.213,8	505,0	12.718,8
TỔNG DIỆN TÍCH			**172.936,5**	**185.331,4**	**358.408,4**

Phụ lục 2: Danh mục công trình cần bảo quản, tu bổ, phục hồi

(Kèm theo Quyết định số 1938a/QĐ-UBND ngày 30/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

STT	HẠNG MỤC	PHƯƠNG ÁN
ĐIỂM 1- CẦU QUAN ÂM		
KHU VỰC BẢO VỆ I		
1	Cầu hiện trạng	Bảo quản, tu bổ
2	Đường giao thông	Bảo quản, tu bổ
3	Biển báo di tích	Bổ sung
KHU VỰC BẢO VỆ II		
ĐIỂM 2- THÀNH LUỸ CAI KINH		
KHU VỰC BẢO VỆ I		
1	Tái hiện thành luỹ	Bảo quản, tu bổ
2	Nhà thông tin dịch vụ	Bổ sung
3	Sân tập trung	Bổ sung
4	Đường dạo, cây cảnh quan	Bổ sung
KHU VỰC BẢO VỆ II		
1	Biển báo di tích	Bổ sung
2	Biểu tượng di tích	Bổ sung
3	Sân gửi xe	Bổ sung
4	Khu vệ sinh	Bổ sung
5	Đường dẫn	Bổ sung
6	Cây xanh cảnh quan	Bổ sung
ĐIỂM 3- LŨNG NGẦN		
KHU VỰC BẢO VỆ I		
1	Thung lũng hiện trạng	Bảo quản, tu bổ
KHU VỰC BẢO VỆ II		
1	Biển báo di tích	Bổ sung
2	Đường dẫn	Bổ sung
3	Sân tập trung	Bổ sung
ĐIỂM 4- CHỢ QUẬN CÔNG		
KHU VỰC BẢO VỆ I		
1	Cây xanh cảnh quan	Bảo quản, tu bổ
KHU VỰC BẢO VỆ II		Bổ sung
1	Biển báo di tích	Bổ sung
2	Biểu tượng di tích	Bổ sung
3	Nhà thông tin dịch vụ	Bổ sung
4	Chòi nghỉ	Bổ sung
5	Sân tập trung, tái hiện không gian chợ xưa	Bổ sung
6	Đường dạo	Bổ sung
7	Cây xanh cảnh quan	Bổ sung

ĐIỂM 5- CHÙA NÁI		
KHU VỰC BẢO VỆ I		
1	Khuôn viên chùa mới	Bảo quản, tu bổ
2	Sân tập trung	Bổ sung
3	Đường dạo và cảnh quan	Bổ sung
KHU VỰC BẢO VỆ II		
1	Khuôn viên chùa cũ	Bảo quản, tu bổ
2	Khu vệ sinh	Bổ sung
3	Sân để xe	Bổ sung
4	Biển báo di tích	Bổ sung
5	Đường dẫn và đường dạo	Bổ sung
6	Cây xanh cảnh quan	Bổ sung
ĐIỂM 6- NÚI BÀN CỜ		
KHU VỰC BẢO VỆ I		
1	Đường dạo	Bảo quản, tu bổ
2	Cây xanh cảnh quan	Bảo quản, tu bổ
KHU VỰC BẢO VỆ II		
1	Sân để xe và khu vệ sinh	Bổ sung
2	Sân tập trung và biểu tượng di tích	Bổ sung
3	Biển báo di tích	Bổ sung
4	Đường dạo	Bổ sung
ĐIỂM 7+8- NÚI TAY NGAI & LÂN BA TÀI		
KHU VỰC BẢO VỆ I		
1	Cây xanh cảnh quan	Bảo quản, tu bổ
KHU VỰC BẢO VỆ II		
1	Biển báo di tích	Bổ sung
2	Sân gửi xe	Bổ sung
3	Sân tập trung	Bổ sung
4	Khu vệ sinh	Bổ sung
5	Cây xanh cảnh quan	Bổ sung
ĐIỂM 9- HÒN ĐÁ MỔ LỢN		
KHU VỰC BẢO VỆ I		
1	Biểu tượng di tích	Bảo quản, tu bổ
2	Cây xanh cảnh quan	Bảo quản, tu bổ
KHU VỰC BẢO VỆ II		
1	Biển báo di tích	Bổ sung
2	Sân để xe và khu vệ sinh	Bổ sung
3	Sân tập trung và chòi nghỉ	Bổ sung
4	Đường dẫn và đường dạo	Bổ sung
5	Cây xanh cảnh quan	Bổ sung
ĐIỂM 10- LÒ GẠCH CỔ		
KHU VỰC BẢO VỆ I		
1	Biển báo di tích	Bảo quản, tu bổ

2	Khuôn viên lò gạch phục dựng	Bảo quản, tu bổ
3	Cây xanh cảnh quan	Bảo quản, tu bổ
KHU VỰC BẢO VỆ II		
1	Sân để xe và khu vệ sinh	Bổ sung
2	Giao thông	Bổ sung
3	Cây xanh cảnh quan	Bổ sung
ĐIỂM 11- ĐÌNH LÀNG TRUNG		
KHU VỰC BẢO VỆ I		
1	Biển báo di tích	Bảo quản, tu bổ
2	Khuôn viên đình	Bảo quản, tu bổ
3	Cây xanh cảnh quan	Bảo quản, tu bổ
KHU VỰC BẢO VỆ II		
1	Sân để xe	Bổ sung
2	Đường dạo	Bổ sung
3	Cây xanh cảnh quan	Bổ sung
ĐIỂM 12- QUẢNG TRƯỜNG ĐỒNG ĐĨNH		
KHU VỰC BẢO VỆ I		
1	Miếu	Bảo quản, tu bổ
2	Quảng trường	Bảo quản, tu bổ
3	Cây xanh cảnh quan	Bảo quản, tu bổ
KHU VỰC BẢO VỆ II		
1	Sân để xe và khu vệ sinh	Bổ sung
2	Biển báo di tích	Bổ sung
3	Đường dạo	Bổ sung
4	Cây xanh cảnh quan	Bổ sung
ĐIỂM 13- LÀNG ĐỒN		
KHU VỰC BẢO VỆ I		
1	Biển báo di tích	Bổ sung
2	Biểu tượng di tích	Bổ sung
3	Sân tập trung và khu vệ sinh	Bổ sung
4	Cổng thành phục dựng	Bổ sung
5	Cây xanh cảnh quan	Bổ sung
KHU VỰC BẢO VỆ II		
1	Giao thông	Bổ sung
2	Khu dân cư hiện trạng	Bổ sung
ĐIỂM 14- QUÁN THANH		
KHU VỰC BẢO VỆ I		
1	Biển báo di tích	Bổ sung
2	Biểu tượng di tích	Bổ sung
3	Giao thông	Bổ sung
4	Cây xanh cảnh quan	Bổ sung
KHU VỰC BẢO VỆ II		
1	Sân để xe	Bổ sung

2	Khu vệ sinh	Bổ sung
3	Đường dẫn	Bổ sung
4	Giao thông	Bổ sung
5	Cây xanh cảnh quan	Bổ sung
ĐIỂM 15- VỰC ẢI GỐC LÝ		
KHU VỰC BẢO VỆ I		
1	Biển báo di tích	Bảo quản, tu bổ
2	Biểu tượng di tích	Bảo quản, tu bổ
3	Sân tập trung	Bảo quản, tu bổ
4	Giao thông	Bảo quản, tu bổ
5	Cây xanh cảnh quan, mặt nước	Bảo quản, tu bổ
KHU VỰC BẢO VỆ II		
1	Giao thông	Bổ sung
2	Cây xanh cảnh quan, mặt nước	Bổ sung
ĐIỂM 16- XÓM GỐC GẠO		
KHU VỰC BẢO VỆ I		
1	Biểu tượng di tích	Bảo quản, tu bổ
3	Đường dạo	Bảo quản, tu bổ
4	Cây xanh cảnh quan	Bảo quản, tu bổ
KHU VỰC BẢO VỆ II		
1	Biển báo di tích	Bổ sung
2	Sân để xe và khu vệ sinh	Bổ sung
3	Đường dạo	Bổ sung
4	Cây xanh cảnh quan	Bổ sung
ĐIỂM 17-NÚI HÒN NGỌC		
KHU VỰC BẢO VỆ I		
1	Cây xanh cảnh quan, mặt nước	Bảo quản, tu bổ
KHU VỰC BẢO VỆ II		
1	Biển báo di tích	Bổ sung
2	Sân để xe và khu vệ sinh	Bổ sung
3	Biểu tượng di tích	Bổ sung
4	Đường dạo	Bổ sung
5	Đường giao thông	Bổ sung
6	Cây xanh cảnh quan, mặt nước	Bổ sung
ĐIỂM 18- CHÙA HANG		
KHU VỰC BẢO VỆ I		
1	Cây xanh cảnh quan	Bảo quản, tu bổ
KHU VỰC BẢO VỆ II		
1	Biển báo di tích	Bổ sung
2	Sân để xe và khu vệ sinh	Bổ sung
3	Đường dẫn	Bổ sung
4	Cây xanh cảnh quan	Bổ sung
ĐIỂM 19- BẾN TUẦN		

KHU VỰC BẢO VỆ I		
1	Sân tập trung và nhà dịch vụ	Bảo quản, tu bổ
2	Đường dạo	Bảo quản, tu bổ
3	Cây xanh cảnh quan, mặt nước	Bảo quản, tu bổ
KHU VỰC BẢO VỆ II		
1	Biển báo di tích	Bổ sung
2	Sân để xe và khu vệ sinh	Bổ sung
3	Đường dạo	Bổ sung
4	Bến Tuần phục dựng	Bổ sung
5	Cây xanh cảnh quan, mặt nước	Bổ sung
ĐIỂM 20- THÀNH PHỦ TRÀNG KHÁNH		
KHU VỰC BẢO VỆ I		
1	Cây xanh cảnh quan, mặt nước	Bảo quản, tu bổ
KHU VỰC BẢO VỆ II		
1	Biển báo di tích	Bổ sung
2	Sân để xe và khu vệ sinh	Bổ sung
3	Biểu tượng di tích	Bổ sung
4	Cây xanh cảnh quan, mặt nước	Bổ sung
ĐIỂM 21- LÀNG LÌU		
KHU VỰC BẢO VỆ I		
1	Khuôn viên miếu thờ	Bảo quản, tu bổ
2	Khuôn viên nhà dịch vụ	Bảo quản, tu bổ
3	Khu vệ sinh	Bảo quản, tu bổ
4	Cây xanh cảnh quan	Bảo quản, tu bổ
KHU VỰC BẢO VỆ II		
1	Biển báo di tích	Bổ sung
2	Sân để xe	Bổ sung
3	Đường dẫn	Bổ sung
4	Cây xanh cảnh quan	Bổ sung
ĐIỂM 22- ĐỀN HỔ LAI		
KHU VỰC BẢO VỆ I		
1	Khuôn viên đền thờ	Bảo quản, tu bổ
2	Cây xanh cảnh quan	Bảo quản, tu bổ
KHU VỰC BẢO VỆ II		
1	Biển báo di tích	Bổ sung
2	Sân để xe và khu vệ sinh	Bổ sung
3	Đường dẫn	Bổ sung
4	Cây xanh cảnh quan	Bổ sung

Phụ lục 3: Xác định nhóm các dự án thành phần

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

STT	HẠNG MỤC	PHƯƠNG ÁN	NHÓM DỰ ÁN
ĐIỂM 1- CẦU QUAN ÂM			
KHU VỰC BẢO VỆ I			
1	Cầu hiện trạng	Bảo quản, tu bổ	DA01
2	Đường giao thông	Bảo quản, tu bổ	DA01
3	Biển báo di tích	Bổ sung	DA01
KHU VỰC BẢO VỆ II			
ĐIỂM 2- THÀNH LUỸ CAI KINH			
KHU VỰC BẢO VỆ I			
1	Tái hiện thành luỹ	Bảo quản, tu bổ	DA01
2	Nhà thông tin dịch vụ	Bổ sung	DA01
3	Sân tập trung	Bổ sung	DA01
4	Đường dạo, cây cảnh quan	Bổ sung	DA01
KHU VỰC BẢO VỆ II			
1	Biển báo di tích	Bổ sung	DA02
2	Biểu tượng di tích	Bổ sung	DA02
3	Sân gửi xe	Bổ sung	DA02
4	Khu vệ sinh	Bổ sung	DA02
5	Đường dẫn	Bổ sung	DA02
6	Cây xanh cảnh quan	Bổ sung	DA02
ĐIỂM 3- LŨNG NGẦN			
KHU VỰC BẢO VỆ I			
1	Thung lũng hiện trạng	Bảo quản, tu bổ	DA01
KHU VỰC BẢO VỆ II			
1	Biển báo di tích	Bổ sung	DA02
2	Đường dẫn	Bổ sung	DA02
3	Sân tập trung	Bổ sung	DA02
ĐIỂM 4- CHỢ QUẬN CÔNG			
KHU VỰC BẢO VỆ I			
1	Cây xanh cảnh quan	Bảo quản, tu bổ	DA01
KHU VỰC BẢO VỆ II		Bổ sung	
1	Biển báo di tích	Bổ sung	DA02
2	Biểu tượng di tích	Bổ sung	DA02
3	Nhà thông tin dịch vụ	Bổ sung	DA02
4	Chòi nghỉ	Bổ sung	DA02

5	Sân tập trung, tái hiện không gian chợ xưa	Bổ sung	DA02
6	Đường dạo	Bổ sung	DA02
7	Cây xanh cảnh quan	Bổ sung	DA02
ĐIỂM 5- CHÙA NÁI			
KHU VỰC BẢO VỆ I			
1	Khuôn viên chùa mới	Bảo quản, tu bổ	DA01
2	Sân tập trung	Bổ sung	DA01
3	Đường dạo và cảnh quan	Bổ sung	DA01
KHU VỰC BẢO VỆ II			
1	Khuôn viên chùa cũ	Bảo quản, tu bổ	DA01
2	Khu vệ sinh	Bổ sung	DA02
3	Sân để xe	Bổ sung	DA02
4	Biển báo di tích	Bổ sung	DA02
5	Đường dẫn và đường dạo	Bổ sung	DA02
6	Cây xanh cảnh quan	Bổ sung	DA02
ĐIỂM 6- NÚI BÀN CỜ			
KHU VỰC BẢO VỆ I			
1	Đường dạo	Bảo quản, tu bổ	DA01
2	Cây xanh cảnh quan	Bảo quản, tu bổ	DA01
KHU VỰC BẢO VỆ II			
1	Sân để xe và khu vệ sinh	Bổ sung	DA02
2	Sân tập trung và biểu tượng di tích	Bổ sung	DA02
3	Biển báo di tích	Bổ sung	DA02
4	Đường dạo	Bổ sung	DA02
ĐIỂM 7+8- NÚI TAY NGAI & LÂN BA TÀI			
KHU VỰC BẢO VỆ I			
1	Cây xanh cảnh quan	Bảo quản, tu bổ	DA01
KHU VỰC BẢO VỆ II			
1	Biển báo di tích	Bổ sung	DA02
2	Sân gửi xe	Bổ sung	DA02
3	Sân tập trung	Bổ sung	DA02
4	Khu vệ sinh	Bổ sung	DA02
5	Cây xanh cảnh quan	Bổ sung	DA02
ĐIỂM 9- HÒN ĐÁ MỔ LỢN			
KHU VỰC BẢO VỆ I			
1	Biểu tượng di tích	Bảo quản, tu bổ	DA01
2	Cây xanh cảnh quan	Bảo quản, tu bổ	DA01
KHU VỰC BẢO VỆ II			
1	Biển báo di tích	Bổ sung	DA02

2	Sân để xe và khu vệ sinh	Bổ sung	DA02
3	Sân tập trung và chòi nghỉ	Bổ sung	DA02
4	Đường dẫn và đường dạo	Bổ sung	DA02
5	Cây xanh cảnh quan	Bổ sung	DA02
ĐIỂM 10- LÒ GẠCH CỔ			
KHU VỰC BẢO VỆ I			
1	Biển báo di tích	Bảo quản, tu bổ	DA01
2	Khuôn viên lò gạch phục dựng	Bảo quản, tu bổ	DA01
3	Cây xanh cảnh quan	Bảo quản, tu bổ	DA01
KHU VỰC BẢO VỆ II			
1	Sân để xe và khu vệ sinh	Bổ sung	DA02
2	Giao thông	Bổ sung	DA02
3	Cây xanh cảnh quan	Bổ sung	DA02
ĐIỂM 11- ĐÌNH LÀNG TRUNG			
KHU VỰC BẢO VỆ I			
1	Biển báo di tích	Bảo quản, tu bổ	DA01
2	Khuôn viên đình	Bảo quản, tu bổ	DA01
3	Cây xanh cảnh quan	Bảo quản, tu bổ	DA01
KHU VỰC BẢO VỆ II			
1	Sân để xe	Bổ sung	DA02
2	Đường dạo	Bổ sung	DA02
3	Cây xanh cảnh quan	Bổ sung	DA02
ĐIỂM 12- QUẢNG TRƯỜNG ĐỒNG ĐĨNH			
KHU VỰC BẢO VỆ I			
1	Miếu	Bảo quản, tu bổ	DA01
2	Quảng trường	Bảo quản, tu bổ	DA01
3	Cây xanh cảnh quan	Bảo quản, tu bổ	DA01
KHU VỰC BẢO VỆ II			
1	Sân để xe và khu vệ sinh	Bổ sung	DA02
2	Biển báo di tích	Bổ sung	DA02
3	Đường dạo	Bổ sung	DA02
4	Cây xanh cảnh quan	Bổ sung	DA02
ĐIỂM 13- LÀNG ĐỒN			
KHU VỰC BẢO VỆ I			
1	Biển báo di tích	Bổ sung	DA01
2	Biểu tượng di tích	Bổ sung	DA01
3	Sân tập trung và khu vệ sinh	Bổ sung	DA01
4	Cổng thành phục dựng	Bổ sung	DA01
5	Cây xanh cảnh quan	Bổ sung	DA01
KHU VỰC BẢO VỆ II			

1	Giao thông	Bổ sung	DA02
2	Khu dân cư hiện trạng	Bổ sung	DA02
ĐIỂM 14- QUÁN THANH			
KHU VỰC BẢO VỆ I			
1	Biển báo di tích	Bổ sung	DA01
2	Biểu tượng di tích	Bổ sung	DA01
3	Giao thông	Bổ sung	DA01
4	Cây xanh cảnh quan	Bổ sung	DA01
KHU VỰC BẢO VỆ II			
1	Sân để xe	Bổ sung	DA02
2	Khu vệ sinh	Bổ sung	DA02
3	Đường dẫn	Bổ sung	DA02
4	Giao thông	Bổ sung	DA02
5	Cây xanh cảnh quan	Bổ sung	DA02
ĐIỂM 15- VỰC ẢI GỐC LÝ			
KHU VỰC BẢO VỆ I			
1	Biển báo di tích	Bảo quản, tu bổ	DA01
2	Biểu tượng di tích	Bảo quản, tu bổ	DA01
3	Sân tập trung	Bảo quản, tu bổ	DA01
4	Giao thông	Bảo quản, tu bổ	DA01
5	Cây xanh cảnh quan, mặt nước	Bảo quản, tu bổ	DA01
KHU VỰC BẢO VỆ II			
1	Giao thông	Bổ sung	DA02
2	Cây xanh cảnh quan, mặt nước	Bổ sung	DA02
ĐIỂM 16- XÓM GỐC GẠO			
KHU VỰC BẢO VỆ I			
1	Biểu tượng di tích	Bảo quản, tu bổ	DA01
3	Đường dạo	Bảo quản, tu bổ	DA01
4	Cây xanh cảnh quan	Bảo quản, tu bổ	DA01
KHU VỰC BẢO VỆ II			
1	Biển báo di tích	Bổ sung	DA02
2	Sân để xe và khu vệ sinh	Bổ sung	DA02
3	Đường dạo	Bổ sung	DA02
4	Cây xanh cảnh quan	Bổ sung	DA02
ĐIỂM 17-NÚI HÒN NGỌC			
KHU VỰC BẢO VỆ I			
1	Cây xanh cảnh quan, mặt nước	Bảo quản, tu bổ	DA01
KHU VỰC BẢO VỆ II			
1	Biển báo di tích	Bổ sung	DA02
2	Sân để xe và khu vệ sinh	Bổ sung	DA02

3	Biểu tượng di tích	Bổ sung	DA02
4	Đường dạo	Bổ sung	DA02
5	Đường giao thông	Bổ sung	DA02
6	Cây xanh cảnh quan, mặt nước	Bổ sung	DA02
ĐIỂM 18- CHÙA HANG			
KHU VỰC BẢO VỆ I			
1	Cây xanh cảnh quan	Bảo quản, tu bổ	DA01
KHU VỰC BẢO VỆ II			
1	Biển báo di tích	Bổ sung	DA02
2	Sân để xe và khu vệ sinh	Bổ sung	DA02
3	Đường dẫn	Bổ sung	DA02
4	Cây xanh cảnh quan	Bổ sung	DA02
ĐIỂM 19- BẾN TUẦN			
KHU VỰC BẢO VỆ I			
1	Sân tập trung và nhà dịch vụ	Bảo quản, tu bổ	DA01
2	Đường dạo	Bảo quản, tu bổ	DA01
3	Cây xanh cảnh quan, mặt nước	Bảo quản, tu bổ	DA01
KHU VỰC BẢO VỆ II			
1	Biển báo di tích	Bổ sung	DA02
2	Sân để xe và khu vệ sinh	Bổ sung	DA02
3	Đường dạo	Bổ sung	DA02
4	Bến Tuần phục dựng	Bổ sung	DA02
5	Cây xanh cảnh quan, mặt nước	Bổ sung	DA02
ĐIỂM 20- THÀNH PHỦ TRÀNG KHÁNH			
KHU VỰC BẢO VỆ I			
1	Cây xanh cảnh quan, mặt nước	Bảo quản, tu bổ	DA01
KHU VỰC BẢO VỆ II			
1	Biển báo di tích	Bổ sung	DA02
2	Sân để xe và khu vệ sinh	Bổ sung	DA02
3	Biểu tượng di tích	Bổ sung	DA02
4	Cây xanh cảnh quan, mặt nước	Bổ sung	DA02
ĐIỂM 21- LÀNG LÌU			
KHU VỰC BẢO VỆ I			
1	Khuôn viên miếu thờ	Bảo quản, tu bổ	DA01
2	Khuôn viên nhà dịch vụ	Bảo quản, tu bổ	DA01
3	Khu vệ sinh	Bảo quản, tu bổ	DA01
4	Cây xanh cảnh quan	Bảo quản, tu bổ	DA01
KHU VỰC BẢO VỆ II			
1	Biển báo di tích	Bổ sung	DA02
2	Sân để xe	Bổ sung	DA02

3	Đường dẫn	Bổ sung	DA02
4	Cây xanh cảnh quan	Bổ sung	DA02
ĐIỂM 22- ĐỀN HỔ LAI			
KHU VỰC BẢO VỆ I			
1	Khuôn viên đền thờ	Bảo quản, tu bổ	DA01
2	Cây xanh cảnh quan	Bảo quản, tu bổ	DA01
KHU VỰC BẢO VỆ II			
1	Biển báo di tích	Bổ sung	DA02
2	Sân để xe và khu vệ sinh	Bổ sung	DA02
3	Đường dẫn	Bổ sung	DA02
4	Cây xanh cảnh quan	Bổ sung	DA02